

**BỘ CÔNG AN  
BỆNH VIỆN 30-4**

Số: 2988/BV-VTTBYT  
V/v cung cấp thông tin, báo  
giá trang thiết bị y tế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2023.

Kính gửi: Các Hãng sản xuất, Nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Hiện tại, Bệnh viện 30-4 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng dự toán để thực hiện mua sắm một số trang thiết bị.

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện 30-4 .
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện 30-4.
  - Địa chỉ: Số 9 Sư Vạn Hạnh, phường 9, quận 5, TP.HCM.
  - Người liên hệ: Nguyễn Hải An, số điện thoại: 0988.098.282.
- Các thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp tại Phòng Vật tư - Thiết bị y tế, Bệnh viện 30-4 (03 bản cứng).
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 10h ngày 13/11/2023 đến trước 17h ngày 28/11/2023.

Các báo giá nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13/11/2023.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá.**

- Danh mục: Đính kèm phụ lục kèm theo.

2. Các thông tin nhà thầu cần nộp gồm:

- Biểu mẫu chào giá theo mẫu đính kèm.
- Thư xác nhận ủy quyền, nhà phân phối (nếu có).
- Hồ sơ kỹ thuật sản phẩm gồm catalogue.
- Hợp đồng tương tự đã thực hiện (nếu có) hoặc hóa đơn bán hàng.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý công ty./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc (đề b/cáo);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Thượng tá Nguyễn Trung Cang**



Phụ lục 01:

**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG TRANG THIẾT BỊ Y TẾ**

(Kèm theo công văn số 2988/BV-YTBYT ngày 13/11/2023 của Bệnh viện 30-4)

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy điều trị bằng dòng điện xung	Cái	03
2	Máy siêu âm điều trị	Cái	02
3	Máy điện phân thuốc	Cái	01





## CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT THIẾT BỊ

(Kèm theo công văn số 2988/BV-VTTBYT ngày 13/11/2023 của Bệnh viện 30-4)

STT	Cấu hình thông số kỹ thuật (tham khảo)
<b>I</b>	<b>Máy siêu âm điều trị</b>
<b>1</b>	<b>Cấu hình</b>
	- Máy chính: 01 cái
	- Đầu chiếu siêu âm 5cm <sup>2</sup> : 01 cái
	- Đầu chiếu siêu âm rãnh tay 6 tinh thể: 01 cái
	- Chai gel siêu âm: 01 chai
	- Bút cảm ứng: 01 cái
	- Dây nguồn + Adaptor: 01 cái
	- Xe đẩy chính hãng: 01 cái
	- Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ
<b>2</b>	<b>Thông số kỹ thuật</b>
<b>2.1</b>	<b>Thông số máy chính:</b>
	- Giao diện: Màn hình màu cảm ứng rộng 7 inch
	- Giao thức điều trị nhanh: Có
	- Hướng dẫn điều trị bộ phận cơ thể: Có
	- Cơ sở dữ liệu bệnh nhân: có
	- Số đầu phát siêu âm kết nối đồng thời: 2
	- Số kênh điều trị: 1 kênh
	- Nguồn điện cung cấp: Adapter và pin trong
	- Thời gian điều trị tối đa: 30 phút, bước thiết lập 1 giây
	- Cường độ chế độ liên tục tối đa: 2 W/cm <sup>2</sup>
	- Cường độ chế độ xung tối đa: 3 W/cm <sup>2</sup>
	- Bước điều chỉnh cường độ: 0.1 W/cm <sup>2</sup>
	- Tần số làm việc: 1 Mhz ±5% và 3.1Mhz ±5%
	- Tần số điều biến: 10 Hz - 150 Hz
	- Hệ số sử dụng: 5% đến 95%
	- Hệ số sử dụng đặt sẵn: 0.25%, 12.5%, 25%, 50%, 100% (±5%)
	- Bước điều chỉnh tần số điều biến: 10 Hz
	- Bước điều chỉnh hệ số sử dụng: 1%
	- Công suất tối đa: 13.2W
<b>2.2</b>	<b>Thông số đầu phát</b>
	<b>Đầu điều trị đa tần trường xoay tự động có lập trình</b>
	- Sử dụng công nghệ trường siêu âm quay không cần tới thao tác của kỹ thuật viên.
	- Tần số luân phiên 1 và 3.1 MHz
	- Kích thước đầu phát 18 cm <sup>2</sup> .
	- Số tinh thể trên đầu phát: 6 tinh thể.

	- Tỷ lệ tia không đồng nhất (RBN): $3 \pm 30 \%$
	- Cường độ tối đa: $3 \text{ W/cm}^2 \pm 30 \%$
	<b>Đầu điều trị đa tần 5 cm<sup>2</sup></b>
	- Phạm vi Bức xạ hiệu quả
	+ Theo AER (EN 61689): $3.2 \text{ cm}^2 \pm 20 \%$
	+ Theo AER (21 CFR 1050): $4.4 \text{ cm}^2 \pm 20 \%$
	- Cường độ tối đa: $3 \text{ W/cm}^2 \pm 30 \%$
	- Tần số bức xạ: xấp xỉ 1 MHz và 3.1MHz $\pm 5 \%$
	- Kiểu chùm: chuẩn trực
	- Tỷ lệ tia không đồng nhất (RBN) $3 \pm 30 \%$
	- Cấp độ bao phủ: IP67 – Bảo vệ chống bụi và ngâm nước tạm thời
<b>II</b>	<b>Máy điều trị bằng dòng điện xung</b>
<b>1</b>	<b>Cấu hình bao gồm:</b>
	- Máy chính: 01 cái
	- <b>Phụ kiện điện trị liệu:</b>
	+ Cáp bệnh nhân: 02 bộ
	+ Điện cực cao su: 04 cái
	+ Túi xốp bọc điện cực: 04 cái
	+ Đai cố định điện cực: 01 bộ
	- <b>Phụ kiện siêu âm điều trị:</b>
	+ Đầu chiếu siêu âm 5 Cm <sup>2</sup> : 01 cái
	+ Chai gel siêu âm: 01 chai
	- Bút cảm ứng: 01 cái
	- Dây nguồn + Adapter: 01 cái
	- Xe đẩy chính hãng kèm gác hút: 01 cái
<b>2</b>	<b>Thông số kỹ thuật:</b>
<b>2.1</b>	<b>Thông số máy chính:</b>
	- Màn hình hiển thị: Màn hình màu cảm ứng 7 inch
	- Các phác đồ điều trị cài đặt sẵn: Có
	- Hướng dẫn điều trị bộ phận cơ thể: Có
	- Các phác đồ được lập trình sẵn và từ điển bách khoa điều trị
	- Số kênh điều trị: 2 kênh
	- Thời gian điều trị: 0 – 90 phút
	- Chế độ cường độ không đổi (CC) và điện thế không đổi (CV)
	- Các dạng dòng điện có sẵn: Điện chẩn đoán, Gavanic, Diadynamic, Traebert, Faradic, Neofaradic, xung hàm số mũ, xung hàm số mũ tăng, xung chữ nhật, kích thích kiểu Nga, xung kích thích, xung tam giác, xung hình thang, xung kết hợp, TENS, NPHV, chuỗi xung tuần tự, giao thoa 2 cực, giao thoa 4 cực, Isoplanar và trường vector, xung gián đoạn, dòng Leduc, H-wave, vi dòng, cụm sóng tần số trung bình, kích thích cơ cứng – Hufschmidt, HVT, kích thích cơ cứng Jantsch, xung IG, dòng xung điều chỉnh, dòng VMS, dòng Kotz, EPIR.
	- Số kênh điều trị siêu âm: 01 kênh



	- Thời gian điều trị: 0 – 30 phút
	- Cường độ tác động:
	+ Hoạt động liên tục: 0.1 đến 2 W/cm <sup>2</sup> ± 30% cho cường độ ngõ ra > 0.2 W/cm <sup>2</sup>
	+ Hoạt động theo xung: 0.1 đến 3 W/cm <sup>2</sup> 30% cho cường độ ngõ ra > 0.2 W/cm <sup>2</sup>
	- Tần số hoạt động: 1MHz ± 5% và 3.1 MHz ± 5%
	- Tần số điều chế: 10 đến 150 Hz
	- Hệ số làm việc - Duty Factor: 5 đến 95%
	- Công suất ngõ ra tối đa 13.2 W
	- Chế độ hoạt động: Xung và liên tục.
<b>2.2</b>	<b>Thông số module giác hút chân không</b>
	- Áp suất hút chân không: 10 – 50 kPa (0.1-0.5 bar)
	- Điều chỉnh áp suất: Liên tục
	- Hoạt động theo chế độ xung: 15, 30, 45, 60 xung/phút
	- Số chương trình: 7 Chương trình
	- Ngõ ra hoạt động: 02 ngõ ra hoạt động độc lập
<b>III</b>	<b>Máy điện phân thuốc</b>
<b>1</b>	<b>Cấu hình bao gồm:</b>
	- Máy chính: 01 cái
	- Cáp bệnh nhân: 02 cái
	- Cáp điện cực: 04 cái
	- Điện cực cao su: 04 cái
	- Túi xốp bọc điện cực: 04 cái
	- Bút cảm ứng: 01 cái
	- Xe đẩy chính hãng: 01 cái
	- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
<b>2</b>	<b>Thông số kỹ thuật:</b>
	Thiết kế thân máy chính: Kiểu module dạng đứng với nhiều vách ngăn có thể nâng cấp về sau các liệu pháp Điện, Siêu âm, từ trường, Laser.
	- Số cổng ra: 6
	- Số kênh hoạt động đồng thời: 2 kênh
	- Điện chẩn đoán: Các đường cong I/t, điểm động, ngưỡng dòng điện và thời trị, hệ số đáp ứng
	- Có thể dễ dàng thay đổi phân cực điện cực
	- Có thể nâng cấp kết hợp với máy hút chân không
	- Có thể nâng cấp liệu pháp điện thế cao - HVT
	- Thời gian điều trị: 0 – 90 phút
	- Dòng điện điều trị tối đa: 140 mA (giá trị cực đại tức thời)
	- Dòng ngõ ra- vi dòng: 0.999 $\mu$ A (giá trị cực đại tức thời)
	- Điện áp ngõ ra cực đại: 130 V (giá trị cực đại tức thời)
	- Phân cực ngõ ra: cực dương/ cực âm/ đảo cực giữa các liệu pháp

- Các dạng dòng điện có sẵn tối thiểu: Galvanic, Diadynamics, Traebert, Faradic, Neofaradic, các xung hàm số mũ, các xung hàm số mũ tăng, các xung chữ nhật, kích thích kiểu Nga, xung kích thích, xung hình thang, các xung tam giác, các xung kết hợp, TENS, chuỗi xung tuần tự, giao thoa 2 cực, giao thoa 4 cực.